

# TÍN NGƯỠNG THỜ TƯ PHÁP Ở ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ - SỰ KẾT HỢP NHUẬN NHUYỄN GIỮA HAI NỀN VĂN HÓA ĐẠI VIỆT VÀ ẤN ĐỘ XƯA

PHẠM THỊ MAI\*

Ngày nhận bài: 23/04/2017; ngày sửa chữa: 25/04/2017; ngày duyệt đăng: 12/05/2017.

**Abstract:** *Worshipping Tu Phap (four goddesses in belief of Vietnamese) is one of beliefs formed and developed since the beginning days of Buddhism introduced into our country. This is the combination of Dai Viet (former name of Vietnam) culture and Indian culture in ancient period. Until now, this belief system has been an important part in spiritual life of the community and traditional values of our nation. This emphasizes the success of changing some aspects of Buddhism to correspond with Vietnamese culture and perpetuation of belief of Tu Phap worship spirit of Vietnamese.*

**Keywords:** *Tu Phap, belief, religion, Buddhism, India, culture.*

## 1. Đặt vấn đề

Tín ngưỡng là sự tin tưởng, ngưỡng mộ và sùng bái những thần thánh, vật thiêng hoặc linh hồn người chết do con người tưởng tượng ra hoặc do con người suy tôn, gán cho những phẩm chất siêu phàm. Người Việt có tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên và tín ngưỡng sùng bái con người. Tín ngưỡng ra đời trên nền tảng xã hội nông nghiệp cổ truyền, tổ chức nông dân mạnh về tư duy tổng hợp, thiếu tư duy phân tích nên tín ngưỡng của người Việt là tín ngưỡng dân dã, chưa có điều kiện trở thành tôn giáo.

Tín ngưỡng Việt Nam phản ánh rất rõ nét những đặc trưng nông nghiệp lúa nước. Từ thời xa xưa, người Việt sống chủ yếu dựa vào việc khai thác tự nhiên. Vì vậy, tín ngưỡng dân gian thờ cúng tự nhiên đã giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người dân. Họ tin rằng các vị thần sẽ phù hộ cho mùa màng tốt tươi để cuộc sống được no ấm. Pháp Vân, pháp Vũ, pháp Lô, pháp Điện - 4 vị thần Tứ Pháp độ trì cho sản xuất nông nghiệp của người Việt Nam, từ bao đời nay đã trở nên linh thiêng trong đời sống tâm linh của người Việt.

## 2. Nguồn gốc ra đời của tín ngưỡng thờ tứ pháp tại Việt Nam

Không phải ngẫu nhiên mà tín ngưỡng thờ tứ pháp được định hình và phát triển trong buổi đầu Phật giáo du nhập vào Việt Nam, mà câu chuyện về nguồn gốc của Phật Tứ pháp còn được lưu truyền cho đến ngày nay. Hiện nay, về nguồn gốc của chùa Tứ Pháp tại Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh) các nhà nghiên cứu dựa vào 2 nguồn tài liệu: *Cổ châu Pháp Vân Phật bản hành ngữ lục* và truyền thuyết Man Nương trong *Lĩnh Nam chích quái*. Có thể tóm tắt như sau:

Vào thời Hán, nàng Man Nương năm 12 tuổi đến theo học đạo ở chùa Linh Quang (Tiên Du, Bắc Ninh), tại chùa có một nhà sư Khâu Đà La là một vị cao tăng đầu tiên sang truyền đạo tại Việt Nam. Một hôm, Man Nương ngủ quên ở cửa chùa, nhà sư tình cờ bước qua người Man Nương lúc nàng đang nằm ngủ, và nàng thụ thai một cách thần kì. Sau 14 tháng, nàng Man Nương sinh hạ một bé gái, Man Nương đem trả cho nhà sư, nhà sư Khâu Đà La gõ gậy Thích Trượng dùng phép chú đưa bé gái vào cây Dung Thụ già, Khâu Đà La trao cho Man Nương cây gậy và dặn khi nào hạn hán thì đem gậy cắm xuống đất để cứu nhân dân. Khi vùng Dâu bị hạn hán 3 năm liền, nhớ đến lời dạy của ông, Man Nương đã đem cây gậy cắm xuống đất, ngay lập tức nước phun lên, cây cối rụng đồng loạt tươi tốt và chúng sinh thoát nạn hạn hán. Tiếp đó có trận mưa to, cây Dung Thụ bị gió bão quật đổ xuống sông Thiên Đức (sông Dâu) rồi trôi về Luy Lâu, khi đó, Thái thú Sỹ Nhiếp cho quân lính vớt lên nhưng không ai lay chuyển nổi, nàng Man Nương đi qua, liền xuống sông buộc dải yếm vào thì kéo lên dễ dàng. Thái Thú Sỹ Nhiếp thấy thế kinh sợ, cho tạc tượng Tứ Pháp là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện tượng trưng cho mây, mưa, sấm, chớp để thờ. Khi thợ tạc tượng gặp trong thân cây một khối đá bèn vớt xuống sông, đến đêm, thấy lòng sông rực sáng, Sỹ Nhiếp cho người vớt nhưng không tài nào vớt được, Man Nương liền đi thuyền ra giữa sông thì khối đá tự nhiên nhảy vào lòng, khối đá ấy được mang vào thờ và gọi là Thạch Quang Phật, hiện được thờ tại chùa Dâu.

Từ câu chuyện vị cao tăng Khâu Đà La vô tình

\* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

bước qua người Man Nương khiến bà thụ thai gián tiếp, sự việc này được lí giải là do thiên nhân hợp khí hay cách nói khác là do mối lương duyên giữa người con gái bản địa tượng trưng cho tín ngưỡng dân gian với một nhà sư tượng trưng cho văn hóa Phật giáo Ấn Độ. Xưa kia, người Việt cổ cũng có một hệ thống tín ngưỡng dân gian hết sức đa dạng và phong phú, trong đó bao trùm nhất là tín ngưỡng thờ Mẫu (thờ mẹ). Từ nguồn sống chính bằng sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước nên họ rất tôn sùng các hiện tượng tự nhiên có liên quan đến nghề nông, đặc biệt là các vị thần có liên quan trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp như tục thờ mẹ Trời, mẹ Đất, mẹ Nước, mẹ Lúa. Đến những năm đầu công nguyên, Phật giáo từ Ấn Độ du nhập vào nước ta, các nhà sư đã nhận thấy rõ, nếu Phật giáo muốn bén rễ vào mảnh đất này, phải có sự dung hòa và biến đổi cho phù hợp với tín ngưỡng và tâm thức dân gian của người Việt. Vì vậy, Phật giáo đã nhanh chóng thu nạp các yếu tố có lợi cho mình trong hệ thống tín ngưỡng dân gian của người Việt như: tục thờ mẹ, tục thờ nữ thần hay tục thờ Tứ Pháp và sự giao thoa tâm linh giữa nàng Man Nương đại diện cho cư dân nông nghiệp trồng lúa nước với một nhà sư Ấn Độ là Khâu Đà La đại diện cho triết lí và văn hóa Phật giáo Ấn Độ chính là sự kết hợp giữa 2 tín ngưỡng tư tưởng ấy, các vị Phật Ấn Độ đã hóa thân với các vị thần tự nhiên của Việt Nam để tạo ra một hình tượng mới là Phật Mẫu và Phật Tứ Pháp, đây là những hình tượng vô cùng riêng biệt và có sức sống mạnh mẽ trong đời sống tâm linh của người Việt.

Từ nội dung sự tích nói trên, ta thấy tình hình sinh hoạt Phật giáo ở Việt Nam lúc bấy giờ đã được bản địa hóa rõ ràng, cụ thể. Thực chất đây là cả quá trình tiếp biến, bản địa hóa đạo Phật, khiến cho Phật giáo có vị thế vững chắc trong lòng dân tộc, tạo nên sắc thái đặc biệt của Việt Nam. Do đó, sự ra đời của hệ Phật Tứ Pháp là quy luật lịch sử tất nhiên, là cơ sở lí luận để phát huy các yếu tố cơ bản, tích cực để xây dựng ý thức tự chủ của dân tộc trước sự xâm lăng và ý đồ đồng hóa của phong kiến Trung Hoa.

Đồng thời, Phật giáo cũng nhiệt tâm xây dựng hình tượng Phật được cụ thể cho phù hợp tư tưởng của người Việt. Và như vậy, người Việt giải trình vấn đề bản địa hóa đạo Phật bằng thể nhập niềm tin và chuyển hóa thân tâm, con người có thể vươn tới những quyền năng bằng sự tu thân, hiểu thảo với cha mẹ, sống có nhân nghĩa, không tà dâm... để trở thành con người có phẩm tính cao cả, không vẩn đục. Ấn Độ có một Đức Phật Thích Ca lịch sử, khi đạo Phật vào Giao Châu, quá trình bản địa đòi hỏi cần tái tạo một hình

ảnh những vị Phật xuất phát từ trong cội rễ văn hóa nước nhà, được hình thành từ trong hiện thực lao động, thật bình dị và gần gũi để cầu nguyện, gửi gắm tâm tư, nguyện vọng của mình. Vì vậy, các vị Phật của cộng đồng người Việt lúc bấy giờ phải có những yếu tố người Việt thật, mang vóc dáng và gương mặt người Việt. Do đó, thần mây, thần mưa, thần sấm, thần sét đã hóa thành hệ Tứ Pháp bao gồm: Phật Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Một khía cạnh nữa cũng rất đáng lưu ý đó là: Truyền thuyết về Phật Mẫu Man Nương xuất phát từ vùng Dâu Keo, trong đó có con sông Dâu đóng vai trò quan trọng về thủy lợi đối với nông nghiệp của vùng Kinh Bắc xưa. Trên thực tế, sông Dâu cổ xưa nay chỉ còn dấu tích là một con ngòi nhỏ chạy qua mặt thành Luy Lâu đi về phái Song Liễu, Nguyệt Đức ra chợ Nôm, thuộc địa phận tỉnh Hưng Yên. Xưa kia, sông Dâu bắt nguồn từ vùng sông Cầu, nối sông Tiêu Tương (vùng Tiên Du, phía bắc Kinh Bắc), qua Hà Nội có nhánh nhập vào sông Hồng, chạy về phía Luy Lâu rồi đi về phía Văn Lâm nối với sông Châu Giang. Con sông này chạy theo hướng Bắc - Nam, không có tuyến đê nên thường gây ra lụt lội. Đầu thế kỉ XIX, sông Đuống chưa được khơi rộng, chỉ là con ngòi nhỏ, nên sông Dâu vẫn là tuyến giao thông chính ở phía Nam phần Kinh Bắc. Sông Dâu được coi là con sông cổ xưa của trung tâm Kinh Bắc nối các sông phía Bắc vào sông Hồng. Nên nông nghiệp Kinh Bắc vùng Thuận Thành cổ phụ thuộc vào sông này. Tín ngưỡng Tứ Pháp ra đời ở đây cũng là do lí do đó, thực tế nó có khu vực rất rộng bao gồm vùng Đông Anh, Gia Lâm, Thuận Thành, Văn Lâm, nối qua sông Hồng là Thường Tín, Phú Xuyên. Những vùng này đều thờ tín ngưỡng Tứ Pháp. Đây cũng là trung tâm của Đồng bằng Bắc Bộ cổ xưa bao gồm các lưu vực sông Hồng, sông Đuống, sông Tiêu Tương, sông Cầu, sông Dâu, sông Châu Giang. Vì vậy, việc thờ Tứ Pháp và lễ cầu đảo có điều kiện để phát triển.

Như vậy, muốn hiểu về Tứ Pháp, phải hiểu được bước đi của dân tộc Việt, người Việt khi từ trên rừng đi xuống khai phá được vùng châu thổ cao, và từ vùng châu thổ cao họ đi xuống vùng châu thổ thấp thì về địa lí Luy Lâu là khu vực nằm ở ranh giới giữa vùng châu thổ cao và vùng châu thổ thấp. Khi còn ở vùng châu thổ cao, sản xuất nông nghiệp luôn luôn hướng tới việc cầu mưa, cầu nguồn nước của trời. Đối với cư dân nông nghiệp nước ta, người ta sử dụng nguồn nước tại chỗ là chủ yếu (tức là nước mưa), với cư dân sử dụng nước mưa, thường chú ý đến đằm hồ mà ít chú ý đến các mương phai và những dòng nước của

sông ngòi nên tín ngưỡng người Việt Nam rất chú ý đến việc cầu mưa và các vị thần linh liên quan đến mưa đã được người Việt quan tâm đến từ rất sớm. Trong số đó, thần Mây, thần Mưa bao giờ cũng là chủ yếu, dần dần phát triển lên thành các hệ thống Tứ Pháp. Lúc đầu, là mây, mưa, sấm, gió, sau đó trở thành mây, mưa, sấm, chớp, từ đó dần dần hình thành tín ngưỡng thờ cúng, cầu xin các vị thần này để mong có một cuộc sống yên lành, mùa màng tốt tươi, đó là điều kiện để nảy sinh ra hệ thống các chùa mà trung tâm là chùa Dâu.

## **2. Hệ thống chùa thờ Tứ Pháp và nét đặc biệt của những pho tượng Tứ Pháp**

Có thể thấy rõ, Phật giáo Việt Nam luôn mang dấu ấn bản sắc văn hóa dân tộc. Cốt nghĩa cho vấn đề này, thật khó diễn đạt hết ý nghĩa từ bốn vị thần trở thành bốn vị Phật. Trải qua từng giai đoạn lịch sử, vai trò của Hệ Tứ Pháp này được tôn thờ trong các chùa và được phát huy nội lực dân tộc trong việc xây dựng, bảo vệ vững chắc nền độc lập và phát triển văn hóa nước nhà.

Ngày nay, bốn pho tượng Tứ Pháp được thờ ở các chùa thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, còn bà Man Nương được nhân dân tôn kính gọi là Phật mẫu. Ngôi nhà của cha mẹ bà được xây thành chùa theo tục hóa gia vi tự (dựng nhà thành chùa) thành chùa Tổ, hay còn gọi là Phúc Nghiêm tự thuộc xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Hiện trong chùa thờ Phật mẫu Man Nương và con của bà là Thạch Quang Phật, ngoài ra còn thờ đức thân sinh ra Phật mẫu và vị cao tăng Khâu Đà La. Với những huyền tích kì bí, chùa Tổ không chỉ gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam mà bao đời nay đã là một ngôi chùa linh thiêng có sức ảnh hưởng rất lớn trong tâm thức của người Việt.

Cùng với chùa Tổ là hệ thống chùa Tứ pháp, luôn có 4 ngôi chùa riêng biệt ở 4 thôn cạnh nhau trong các làng xã cổ truyền. Trong tâm thức cư dân nông nghiệp nước ta bấy giờ, muốn có mưa, có nước thì phải nhờ công mây. Bởi thế, vị thần người Việt tôn thờ đầu tiên là thần Mây, tiếp đến thần Mây là thần Sấm và cuối cùng là thần Chớp và điều này được cụ thể hóa thành Phật pháp vân, Phật pháp vũ, Phật pháp lôi, Phật pháp điện được tôn thờ trong 4 ngôi chùa cùng tên.

Đầu tiên, phải kể đến chùa Dâu, nằm ở phía Nam cố thành Luy Lâu nay thuộc thôn Khương Tự, xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Xa xưa, người dân ở đây thường sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm và cấy lúa nước nên dân gian xưa gọi là

vùng Dâu hoặc kẻ Dâu. Chùa Dâu có nhiều tên gọi như: Pháp Vân Tự, Cổ Châu Tự nhưng dân gian vẫn quen gọi với cái tên mộc mạc là chùa Dâu. Chùa Dâu thờ Phật pháp vân hay còn gọi là bà Dâu. Bà tượng trưng cho thần Mây, tương truyền là chị cả trong các Phật Tứ pháp. Tượng bà được bài trí ở chính giữa thượng điện với gương mặt đẹp gợi liên tưởng tới các nàng vũ nữ Ấn Độ ở quê hương Tây Trúc. Tại đây còn thờ cả bà Đậu hay còn gọi là Phật Pháp Vũ - tượng trưng cho thần Mưa, do nơi thờ Bà là chùa Đậu đã bị phá hủy trong chiến tranh nên tượng Bà cũng được đưa về phối thờ tại chùa Dâu.

Tiếp theo trong hệ thống các chùa Tứ Pháp là Phi Tướng Đại Thiên Tự hay còn gọi là chùa Tướng. Chùa Tướng thờ Phật pháp Lôi hay còn gọi là bà Tướng, tượng trưng cho thần Sấm. Vị Phật được coi là em út trong hệ thống tứ pháp hiện được thờ ở chùa Phương Quan hay còn gọi là chùa Dàn.

Bên cạnh hệ thống chùa thờ Tứ Pháp đầy đủ và quan trọng nhất ở Thuận Thành, Bắc Ninh, các chùa thờ Tứ Pháp hiện nay được xây dựng, tu bổ, duy trì ở nhiều nơi thuộc khu vực Đồng bằng Bắc Bộ nước ta, có thể kể đến như:

- Ở Hà Nội: Chùa Keo (làng Chè, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm) thờ Pháp Vân, gọi là bà Keo; chùa Nành (làng Nành, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm) thờ Pháp Vân, gọi là bà Nành; chùa Sét hay còn gọi là Chùa Đại Bi (thôn Giáp Lục, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai) thờ cả Tứ Pháp; chùa Pháp Vân (1229 đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai) thờ Pháp Vân;

- Ở Văn Lâm - Hưng Yên: xã Lạc Hồng: chùa Thái Lạc thờ Pháp Vân, chùa Hồng Cầu thờ Pháp Vũ, chùa Nhạc Miếu thờ Pháp Lôi, chùa Hồng Thái thờ Pháp Điện; xã Lạc Đạo: chùa Lạc Đạo thờ Pháp Vân; chùa Hoàng thờ Pháp Vũ; chùa Hướng Đạo thờ Pháp Lôi; chùa Tân Nhuế thờ Pháp Điện;

- Ở Hà Nam: chùa Quế Lâm, chùa Do Lễ, chùa Thôn Bốn, chùa Tiên thờ Pháp Vân; chùa Trinh Sơn, chùa Bảo Sơn thờ Pháp Vũ; chùa Đặng Xá, chùa Nứa thờ Pháp Lôi; chùa Bầu thờ Pháp Điện...

Trong các chùa thờ Tứ Pháp, tượng của các nữ thần được tạc với nhiều điểm khá độc đáo, nếu như tín ngưỡng Tứ Pháp thể hiện sự kết hợp giữa hai nền văn hóa Đại Việt và Ấn Độ xưa thì những pho tượng Tứ Pháp cũng thể hiện rõ rệt sự giao thoa ấy, các pho tượng tứ pháp thường có kích thước rất to lớn, có đặc điểm chung là tư thế khi ngồi cũng vào khoảng 1,5m, đều được tạc trong tư thế ngồi ở tòa sen, khuôn mặt có nét giống người Ấn Độ, cổ cao 3 ngón, tay

phải gơ 5 ngón lên trời, trong lòng bàn tay có một viên ngọc sáng. Những pho tượng Tứ Pháp đều được sơn màu nâu đỏ, rất khác biệt so với những pho tượng Phật với ý nghĩa tổng hợp màu đỏ của máu và màu đen của mây đen tượng trưng cho nguồn sống và sự huyền bí. Điểm đáng chú ý là thế tay của những pho tượng Tứ Pháp cũng không giống với những pho tượng Phật giáo thông thường, bên trong lòng bàn tay lại có viên ngọc, đó được xem là sự kết hợp độc đáo giữa nghệ thuật Phật giáo và tư duy dân gian về hình tượng Mẫu trong dân gian, thế của tượng Phật Tứ pháp chính là thế phổ độ chúng sinh, viên ngọc giữa lòng bàn tay tượng trưng cho năng lượng ánh sáng để mang đến cho chúng sinh những điều tốt đẹp nhất.

Nét đặc sắc của các pho tượng này thể hiện ở chỗ: tuy đặc điểm chung của các pho tượng Tứ Pháp là có gương mặt hiền hậu của phụ nữ nhưng dáng vẻ lại dong dỏng cao, phần ngực lại không nhô ra như những pho tượng nữ thông thường, có tướng như là nam giới, đây được coi là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong cách tượng Phật và tư duy về tượng mẫu của người Việt. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây chính là yếu tố đã được Việt hóa khi Phật giáo vào Việt Nam, tạo ra một hình tượng mới là Phật Mẫu.

Cách bài trí tượng trong các chùa thờ Tứ Pháp cũng không giống những ngôi chùa thông thường. Tại đây, pho tượng được thờ ở vị trí trung tâm chính điện không phải là pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni mà lại là tượng các Phật bà Mây, Mưa, Sấm, Chớp. Những tượng này được đặt ngôi ở trong Khám và được làm to hơn cả, trong chùa thường cũng có những tượng Phật Thích Ca, La Hán... nhưng có kích thước nhỏ hơn nhiều và chỉ đặt ở bên cạnh, phía ngoài, trước mặt các tượng Tứ Pháp. Sự bài trí này cũng nói lên một thông điệp đặc biệt: trong mĩ thuật cổ của người Việt, người ta quan niệm rằng: những vị thần chủ của một điện thờ trong cả điều khắc lằn trong hội họa đều được vẽ lớn, do vậy ở các chùa thờ Tứ Pháp, các pho tượng Tứ Pháp đều được làm với kích thước lớn hơn so với hầu hết những pho tượng khác được đặt trong điện thờ.

### **3. Hệ tín ngưỡng Tứ Pháp đã tạo ra dấu ấn đặc trưng riêng có của Phật giáo Việt Nam**

Từ khi hình thành và phát triển cho đến ngày nay, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp luôn đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Các tài liệu sử học đã cho thấy: khi Đại Việt giành lại độc lập

sau nghìn năm Bắc thuộc, từ thời nhà Lý, các vua không ngừng tổ chức lễ hội rước Phật Pháp Vân về kinh đô Thăng Long để cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, sang đời Trần, hệ Tứ Pháp lại càng được phát huy mạnh mẽ, cùng với chùa Dâu và hệ thống các chùa thờ Tứ pháp ở vùng chùa Dâu được trùng tu. Năm 1313, dưới sự chỉ đạo của triều đình, trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã đứng ra xây dựng lại chùa Dâu với quy mô rất lớn là chùa trăm gian, tháp chín tầng, cầu chín nhịp được xem như là biểu tượng của văn hóa Phật giáo Đại Việt. Nơi đây trở thành trung tâm sinh hoạt Phật giáo từ học thuật cho đến tín ngưỡng mà bất cứ người Việt nào cũng có thể tự hào. Sau nhà Trần, Lê Lợi sau những ngày đánh tan quân Minh, nhà Lê tiếp tục xây dựng hệ tư tưởng Phật Tứ Pháp, đến triều Nguyễn, các vị vua từ Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức tiếp tục tôn thờ và phát huy những giá trị tâm linh này. Các vương triều luôn chú trọng việc xây dựng các ngôi chùa thờ Tứ Pháp bởi lẽ: Tính chất đặc biệt của tục thờ này có một cốt lõi của một nền văn hóa, văn minh lúa nước trước khi chúng ta tiếp xúc với văn hóa phương Bắc, nên tính bản địa của tục thờ này là hết sức sâu sắc và đáng quý, là sự tích hợp trong đó có những yếu tố bản địa và những yếu tố du nhập của Phật giáo Ấn Độ xưa nhưng nó kết tụ trên một vùng đất và trở thành một hệ tín ngưỡng riêng, do đó, nó là nền tảng, là gốc và mang tính bản địa một cách sâu sắc, vừa khác Trung Hoa vừa khác Ấn Độ nên việc các triều đại phong kiến liên tục thờ tự cũng chính là nhằm chứng minh sự độc lập, bởi từ thời Lý trở về sau, vấn đề độc lập không chỉ được xác định về mặt biên cương, lãnh thổ mà còn được xác lập ở sự độc lập tự chủ trên nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó có tín ngưỡng, tôn giáo. Sang đời Trần, việc phát triển hệ Tứ Pháp nhằm kết nối tinh thần đoàn kết dân tộc, lấy hệ tư tưởng Phật giáo cùng với tinh thần yêu nước để đánh tan quân Nguyên Mông, phục hưng văn hóa Đại Việt. Sau nhà Trần, những vị vua như Lê Lợi cùng với những đại thần như Lê Sát, Trần Nguyên Hãn, Lê Ngân đã nỗ lực xây dựng hệ tư tưởng Phật Tứ Pháp để đối kháng lại với những loại văn hóa ngoại lai trong đó có cả Phật giáo nhà Minh đưa sang, đến triều Nguyễn, các vị vua tiếp tục tôn thờ và phát huy những giá trị tâm linh, văn hóa, văn học, nghệ thuật mà hệ Phật Tứ Pháp đã mang lại trong công cuộc xây dựng và bảo vệ văn hóa dân tộc.

Như vậy, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử ứng với các triều đại, tín ngưỡng Phật Tứ Pháp trở thành đối

tượng tôn thờ và kết nối truyền thống, có vai trò lịch sử rất to lớn trong việc phát huy nội lực, đề cao ý thức độc lập tự chủ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Sự hình thành và phát triển hệ thống chùa Tứ Pháp chính là sự khẳng định sức sống và xu hướng đề cao vai trò của nữ thân, đề cao vai trò của Mẹ trong tín ngưỡng bản địa của cư dân nông nghiệp lúa nước trước sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam. Qua hệ thống Phật Tứ Pháp, chúng ta có thể khẳng định, người Việt trong quá trình phát triển đã thu nhận không ít những giá trị văn hóa tinh thần ở bên ngoài để bồi đắp lên một sản phẩm tinh thần của riêng mình và khẳng định được bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Gần 2000 năm đã trôi qua, có biết bao ngôi chùa Tứ Pháp được tôn tạo và xây thêm, biết bao nhiêu pho tượng được tô lại hay làm mới như một minh chứng cho sự thành công của việc Việt hóa đạo Phật và sự trường tồn của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp trong tâm thức người dân Việt.

Có thể nói, tín ngưỡng Tứ pháp là một trong những chỗ dựa về tinh thần của người Việt qua nhiều thời đại và tồn tại cho đến tận ngày hôm nay. Về mặt chính sử thì Phật Pháp Vân xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1073 dưới thời vua Lý Nhân Tông khi vua mới lên ngôi. *Đại Việt sử ký bản kỷ toàn thư* quyển 3, tờ 6b8 viết: “Thái Ninh năm thứ hai, năm Quý Sửu, lúc bấy giờ mưa dầm bèn rước Phật Pháp Vân về kinh đô cầu tạnh” (Quý Sửu Thái Ninh nhị niên, dâm vũ, nghinh Pháp Vân Phật phó kinh từ tình). Sau đó *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* quyển 3, tờ 31b6 ghi: “Thái Ninh năm thứ hai, năm Quý Sửu, mưa dầm không ngớt, vua sai cầu tạnh tại chùa Pháp Vân” (Quý Sửu, Nhân Tông hoàng đế Thái Ninh nhị niên, dâm vũ bất chỉ, đế mệnh từ tình vụ Pháp Vân tự). Theo tư duy của người Việt, thì 3 vị phật: pháp Vũ, pháp Lôi, pháp Điện phải tùy thuộc và phật Pháp Vũ bởi có mây thì mới có mưa, sấm và chớp. Đó đó, phật Pháp Vân được xem là chị cả của 3 vị phật còn lại và thường được các vua tổ chức rước về kinh đô để cầu mưa thuận, gió hòa, quốc thái, dân an.

Các sử liệu nói trên đã minh chứng cho hệ tín ngưỡng Tứ Pháp đã tạo ra dấu ấn đặc trưng riêng có của Phật giáo Việt Nam trong việc phục hưng và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống nước nhà. Cho đến ngày nay, nhân dân vẫn duy trì lễ hội chùa Dâu với những hoạt động rước các phật Tứ Pháp mang nhiều giá trị đặc sắc.

Có thể thấy rằng, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp thực chất là tín ngưỡng dân gian gia nhập vào Phật giáo trong quá trình tôn giáo này du nhập vào Việt Nam,

trải qua hàng nghìn năm, hệ thống tín ngưỡng này đã phát huy được sức sống trong đời sống tâm linh của cộng đồng, khẳng định sự trường tồn của truyền thống văn hóa dân tộc. Cho đến nay, hệ thống chùa Tứ Pháp vẫn được bảo tồn và phát huy trong đời sống tâm linh của cộng đồng cư dân, nhiều lễ hội truyền thống được duy trì đã chứng tỏ sức sống của hệ thống Tứ Pháp trong văn hóa dân tộc. Đây là những tài sản văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc cần được tiếp tục nghiên cứu, bảo tồn và phát huy trong đời sống văn hóa đương đại. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Mạnh Cường (2000). *Chùa Dâu - Tứ Pháp và hệ thống các chùa Tứ Pháp*. NXB Khoa học xã hội.
- [2] Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. Trung tâm văn hóa văn miếu Quốc Tử Giám (1997). *Việt sử diễn âm*. NXB Văn hóa - Thông tin.
- [3] Lê Văn Hưu - Phan Phu Tiên - Ngô Sĩ Liên (1993). *Đại Việt sử ký bản kỷ toàn thư (quyển 3)*. NXB Khoa học xã hội.
- [4] Nguyễn Quang Khải (2015). *Chùa Dâu - Cổ Châu, Pháp Vân, Diên Ứng Tự*. NXB Tôn giáo.
- [5] Trần Thế Pháp (2008). *Linh Nam chí cách quái*. NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh.
- [6] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. NXB Khoa học xã hội.
- [7] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1997) - Nguyễn Quang Hồng (chủ biên). *Di Văn chùa Dâu*. NXB Khoa học xã hội.
- [8] Viện Sử học (2007). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục (quyển 3)*. NXB Giáo dục.

### KÍNH MỜI BẠN ĐỌC ĐẶT MUA TẠP CHÍ GIÁO DỤC NĂM 2017

**Tạp chí Giáo dục** ra mỗi tháng 02 kì, đặt mua tại các bưu cục địa phương (**Mã số C192**) hoặc đặt mua trực tiếp tại Tòa soạn (số lượng lớn) theo địa chỉ: **TẠP CHÍ GIÁO DỤC, 4 Trịnh Hoài Đức, quận Đống Đa, Hà Nội.**

Kính mời bạn đọc, các đơn vị giáo dục, trường học đặt mua **Tạp chí Giáo dục năm 2017**. Mọi liên hệ xin gửi về địa chỉ trên hoặc liên lạc qua số điện thoại: 04.37345363; Fax: 04.37345363.

Xin trân trọng cảm ơn.

**TẠP CHÍ GIÁO DỤC**